

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **180/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 14 – 10 - 2021

V/v Ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thu

2. Ông Nguyễn Văn Cúc

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký TAND huyện Yên Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Đăng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 14/10/2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai, vụ án thụ lý số 66/2021/TLST - HNGĐ ngày 08/4/2021 về việc Ly hôn và nuôi con chung. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 10/9/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm: 1993. Có mặt.

ĐKKH: Thôn P, xã C, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn X, xã H, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Duy D, sinh năm: 1991. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện là phạm nhân đang chấp hành án tại Trại giam số 5 – Bộ Công an.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/4/2021 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Duy D xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn ngày 28/5/2012 tại UBND xã C, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 05 năm. Đến năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh D chơi bời, nghiện hút ma túy, không lo lắng làm ăn kinh tế, chăm sóc gia đình. Ngày 15/12/2017 anh D phạm tội tàng trữ sử dụng chất

ma túy, phải đi chấp hành án đến đầu năm 2019 thì chấp hành xong. Sau khi ra trại chị và gia đình đã phân tích, khuyên giải nhưng anh D vẫn không thay đổi. Đến tháng 10/2020 anh D lại tiếp tục phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy bị Tòa án nhân dân huyện Hà Trung xử 21 tháng tù giam. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2020 đến nay. Từ khi sống ly thân hai bên không quan tâm gì đến nhau. Chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là Đỗ Thùy L, sinh ngày 30/01/2015 và cháu Đỗ Ngọc A, sinh ngày 25/3/2017. Hiện nay, các cháu khỏe mạnh bình thường và đang ở với bà nội, chị muốn đón con nhưng gia đình chồng không cho. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu L và cháu A. Chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án và Trại giam số 5 đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Đỗ Duy D nhưng anh D không nhận, anh D không hợp tác và không ký vào biên bản làm việc.

Tại biên bản xác minh ngày 20/9/2021 bà Nguyễn Thị Dung mẹ đẻ anh Đỗ Duy D trình bày: Anh D và chị T kết hôn vào năm 2012. Sau khi kết hôn anh D và chị T chung sống cùng trong gia đình bà, nhưng vợ chồng anh D và chị T ăn cơm riêng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì. Anh D có theo bạn bè chơi bởi nghiện ma túy phải đi chấp hành án một năm. Khi anh D về vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nên chị T đã bỏ về trên ngoại ở. Sau đó anh D lại nghiện ma túy, bị bắt và hiện đang phải chấp hành án, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ đó đến nay. Về con chung: Chị T và anh D có 02 con chung là cháu Đỗ Thùy L và cháu Đỗ Ngọc A. Hiện nay hai cháu đang ở với ông bà nội, chị T không ở cùng gia đình bà nữa. Nguyện vọng của bà xin được nuôi hai cháu, vì hiện tại anh D đang chấp hành án trong trại giam. Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có gì.

Tại phiên tòa: Anh D vắng mặt. chị T vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn và nuôi con, về tài sản chung và nghĩa vụ chung không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Bị đơn chưa thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Căn cứ Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật TTDS; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí. Đề nghị HĐXX chấp nhận

yêu cầu của chị T, đề nghị xử cho chị T được ly hôn anh D. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thùy L, sinh ngày 30/01/2015 và cháu Đỗ Ngọc A, sinh ngày 25/3/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

{ 1} Về tố tụng:

1.1. Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ theo chứng cứ tài liệu do nguyên đơn cung cấp, Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn của chị T và anh D là đúng quy định về thẩm quyền xét xử theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS.

1.2. Về sự vắng mặt của bị đơn:

Tại phiên tòa anh D vắng mặt vì đang phải chấp hành án. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh D là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Về nội dung:

- *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau, anh D nghiện ma túy và đã phạm tội về ma túy. Đó là nguyên nhân chính dẫn đến phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị T xin ly hôn, về phía anh D không đồng ý ly hôn.

Đánh giá thực trạng mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng: Chị T và anh D sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D đã mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Căn cứ tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng HĐXX cho hai bên ly hôn là phù hợp.

- *Về con chung:* Chị T và anh D có 02 con chung là cháu Đỗ Thùy L, sinh ngày 30/01/2015 và cháu Đỗ Ngọc A, sinh ngày 25/3/2017. Nguyên vọng của chị T xin được trực tiếp nuôi con. HĐXX xét thấy: Anh D hiện đang chấp hành án nên không có điều kiện nuôi con. Vì vậy giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

- *Về tài sản và công nợ chung*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

Về án phí: Chị T khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng*: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm b khoản 1 Điều 227, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- *Tuyên xử*:

Về Hôn nhân: Chấp nhận chị Lê Thị T được ly hôn anh Đỗ Duy D.

Về con chung: Chị T và anh D có 02 con chung. Giao cháu Đỗ Thùy L, sinh ngày 30/01/2015 và cháu Đỗ Ngọc A, sinh ngày 25/3/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn*) mà chị T đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu số AA/2019/0005421 ngày 08/4/2021. Chấp nhận T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho chị T trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Anh D vắng mặt, thời hạn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Yên Định;
- UBND xã C, Yên Định;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng